

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN HÀ ĐỒ**
HADO GROUP JOINT
STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: 285/CTHD-TC
No: 285/CTHD-TC

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026
Hanoi, Jul 30, 2026

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng/6 months)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

To: - The State Securities Commission;
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên công ty/Name of Company: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đồ/Hado Group JSC,
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of Head Office: Số 8 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Hà Nội/ No 8 Lang Ha Street, Giang Vo Ward, , Ha Noi.
- Điện thoại/Telephone: 024.38310347 Fax: 024.38355526 Email: ir@hado.com.vn
- Vốn điều lệ/Charter Capital: 4.069.573.330.000 VND (GCN ĐKKD thay đổi lần 34 ngày 01/07/2026/ The 34th Amendment of Business Registration Certificate on July 01, 2026)
- Mã chứng khoán/Stock code: HDG
- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director and Audit Committee under the Board of Directors.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/The implementation of internal audit: Đã thực hiện/Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General meeting of Shareholders:

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):/
Information on meetings, resolutions of the General Meeting of Shareholders(GMS):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	19/NQ-ĐHĐCĐ	24/04/2026	NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025: Các nội dung thường niên/ the resolution of the 2025 annual general shareholders' meeting (AGM)

II. Hội đồng quản trị (6 tháng)/Board of Directors (6 months):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information on the members of the Board of Directors(BOD):

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOD' members	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the BOD</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1.	Ông Lê Xuân Long <i>Mr Le Xuan Long</i>	Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman of BOD</i>	03/10/2024	
2.	Ông Nguyễn Trọng Minh <i>Mr Nguyen Trong Minh</i>	Phó Chủ tịch HĐQT/ <i>Vice chairman of BOD</i>	27/04/2024	
3.	Ông Nguyễn Hoàng Trung <i>Mr Nguyen Hoang Trung</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Member of BOD</i>	27/04/2024	
4.	Bà Cao Thị Tâm <i>Mrs Cao Thi Tam</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Member of BOD</i>	27/04/2024	
5.	Bà Trần Thị Quỳnh Anh <i>Mrs. Tran Thi Quynh Anh</i>	Thành viên độc lập HĐQT/ <i>Independent member of BOD</i>	27/04/2024	

2. Các cuộc họp HĐQT/BOD's meetings

TT	Thành viên HĐQT BOD's members	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by BOD</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1.	Ông Lê Xuân Long <i>Mr Le Xuan Long</i>	10	10/10	
2.	Ông Nguyễn Trọng Minh <i>Mr Nguyen Trong Minh</i>	10	10/10	
3.	Ông Nguyễn Hoàng Trung <i>Mr Nguyen Hoang Trung</i>	10	10/10	
4.	Bà Cao Thị Tâm <i>Mrs Cao Thi Tam</i>	10	10/10	
5.	Bà Trần Thị Quỳnh Anh <i>Mrs. Tran Thi Quynh Anh</i>	10	10/10	

**3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Ban Điều hành:
Supervising the Board of Management (BOM) by the BOD:**

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ chức năng giám sát đối với Ban Điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Thông qua các cuộc họp định kỳ và báo cáo của Ban Điều hành, Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác quản trị rủi ro và các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty./During the first half of 2026, the BOD fully exercised its supervisory role over the BOM in accordance with applicable laws, the Company's Charter, and the resolutions of the GMS and the BOD. Through periodic meetings and

reports submitted by the BOM, the BOD closely monitored and assessed the implementation of the Company's business plan, risk management activities, and other key operational priorities.

Hội đồng quản trị ghi nhận Ban Điều hành đã chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trong bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức. Lĩnh vực năng lượng tiếp tục giữ vai trò là trụ cột, đóng góp tích cực vào doanh thu và dòng tiền; lĩnh vực bất động sản được tập trung tháo gỡ các vướng mắc pháp lý và chuẩn bị các điều kiện để triển khai các dự án. Đồng thời, Ban Điều hành đã tăng cường kiểm soát chi phí, chủ động trích lập dự phòng theo nguyên tắc thận trọng, quản trị rủi ro và nghiên cứu các cơ hội đầu tư phù hợp nhằm tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững./ The BOD acknowledged that the BOM had demonstrated a proactive and flexible approach in managing the Company's operations, maintaining stable business performance despite ongoing market challenges. The energy segment continued to serve as the Company's core business, making significant contributions to revenue and cash flow, while the real estate segment focused on resolving legal issues and preparing the necessary conditions for project implementation. At the same time, the BOM strengthened cost control, proactively recognized provisions in accordance with the prudence principle, enhanced risk management, and explored appropriate investment opportunities to establish a solid foundation for sustainable growth.

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, tăng cường quản trị rủi ro và phân đầu hoàn thành các mục tiêu kinh doanh năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua./The BOD will continue to supervise and direct the BOM in improving operational efficiency, expediting the implementation of key projects, strengthening risk management, and striving to achieve the business objectives for 2026 as approved by the GMS.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors' subcommittees

Ủy ban Kiểm toán/Audit Committee (AC)

Sáu tháng đầu năm 2026, UBKT đã triển khai các hoạt động giám sát theo chức năng nhiệm vụ được giao, tập trung vào việc đảm bảo tính tuân thủ pháp luật, nâng cao hiệu quả của công tác kiểm soát. Cụ thể: giám sát tính trung thực của các BCTC bao gồm BCTC năm, BCTC quý định kỳ; rà soát các quy chế, quy định nội bộ góp phần chuẩn hóa quy trình, tăng cường tính minh bạch khách quan và nâng cao vai trò của KTNB trong hệ thống quản trị doanh nghiệp; chỉ đạo và giám sát kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch và các cuộc kiểm toán theo yêu cầu của HĐQT; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT trong việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra, đảm bảo các hoạt động Quản trị, vận hành của Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật./ During the first half of 2026, the AC carried out its supervisory responsibilities in accordance with its assigned functions and duties, with a focus on ensuring legal compliance and enhancing the effectiveness of the Company's internal control framework. Specifically, the AC supervised the integrity of the Company's financial statements, including the annual and quarterly financial statements; reviewed internal regulations and policies to further standardize processes, enhance transparency and objectivity, and strengthen the role of Internal audit within the Company's corporate governance framework; directed and oversaw the Internal audit function in implementing the approved internal audit plan as well as ad hoc audit

engagements requested by the BOD; and monitored the implementation of resolutions of the GMS and the BOD to ensure the achievement of approved objectives while ensuring that the Company's governance and operational activities complied with applicable laws and regulations.

UB phát triển Đầu tư/Investment Development Committee

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Ủy ban Phát triển Đầu tư đã tham gia nghiên cứu, đánh giá và định hướng các cơ hội đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Trong lĩnh vực năng lượng, Ủy ban đã đề xuất việc góp vốn thành lập công ty để phát triển dự án điện gió mới. Đối với lĩnh vực bất động sản, Ủy ban tiếp tục theo dõi việc triển khai một số dự án thí điểm, đồng thời nghiên cứu các cơ hội đầu tư mới nhằm tạo nguồn dự án cho giai đoạn tiếp theo./During the first half of 2026, the Investment Development Committee participated in researching, evaluating, and providing strategic guidance on investment opportunities aligned with the Company's long-term development strategy. In the energy sector, the Committee reviewed the proposed capital contribution to establish a project company for the development of a new wind power project. In the real estate sector, the Committee continued to monitor the implementation of several pilot projects while exploring new investment opportunities to build a project pipeline for the next phase of the Company's development.

Ủy ban Quản lý Thiết kế và thực hiện dự án/ Design Management and Project Implementation Committee

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Ủy ban Quản lý Thiết kế và Thực hiện Dự án duy trì công tác tư vấn, rà soát và chuẩn bị các nội dung liên quan đến quản lý thiết kế, phục vụ việc triển khai các dự án. Do tiến độ hoàn thiện thủ tục đầu tư của một số dự án chưa có nhiều chuyển biến, hoạt động của Ủy ban trong kỳ chủ yếu tập trung vào công tác rà soát, định hướng thiết kế và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho các giai đoạn triển khai tiếp theo./During the period, the Design Management and Project Implementation Committee continued to provide advice, conduct reviews, and prepare matters relating to design management in support of the Company's project implementation activities. As the progress of investment approval procedures for several projects remained limited during the reporting period, the Committee's activities primarily focused on reviewing design proposals, providing design guidance, and preparing the necessary conditions for subsequent phases of project implementation.

Ủy ban Đầu tư tài chính và mua bán dự án/Financial investment and project mergers & acquisitions Committee

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban Đầu tư tài chính và Mua bán Dự án đã nghiên cứu, rà soát và tiếp cận một số cơ hội đầu tư tài chính và mua bán dự án, tập trung vào các lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển và ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Công ty, làm cơ sở để báo cáo, đề xuất Hội đồng quản trị xem xét trong các giai đoạn tiếp theo./ During the reporting period, the Financial Investment and Project Acquisition Committee researched, reviewed, and assessed a number of financial investment and project acquisition opportunities, focusing on sectors aligned with the Company's strategic development direction and core business activities. The Committee's work provided a basis for reporting and making recommendations to the BOD for consideration in subsequent stages.

Ủy ban Chuyển đổi số/ Digital transformation Committee

Ủy ban Chuyển đổi số đã rà soát các vấn đề liên quan đến bản quyền, làm việc với các đơn vị để nghiên cứu và triển khai ứng dụng các hệ thống trực tuyến trong hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Đồng thời, Ủy ban đã nghiên

cứu và bước đầu ứng dụng các giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành và xử lý thông tin./During the reporting period, the Digital Transformation Committee reviewed matters relating to software licensing and worked with relevant parties to research and implement digital platforms and online systems to support the Group's governance, management, and business operations. In addition, the Committee explored and initiated the application of artificial intelligence (AI) solutions to enhance management efficiency, operational effectiveness, and information processing capabilities.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị/Resolutions/Decisions of the BOD

TT	Số Nghị quyết/Quyết định(*)/ <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1.	02a/NQ-HĐQT	05/01/2026	Nghị quyết vv ủy quyền Chủ tịch HĐQT ban hành quyết định của HĐQT theo phân cấp/ <i>Resolution on the authorization of the Chairman of the BOD to issue BODs' decisions according to the delegated authority</i>	100%
2.	02/NQ-HĐQT	19/01/2026	Nghị quyết vv khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong năm 2025/ <i>Resolution on commending individuals, departments for outstanding achievements in 2025</i>	100%
3.	03/QĐ-HĐQT	19/01/2026	Quyết định vv khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích năm 2025/ <i>Decision on commending individuals, departments for outstanding achievements in 2025</i>	100%
4.	05/NQ-HĐQT	22/01/2026	Nghị quyết vv thông qua chủ trương thực hiện giao dịch với Người có liên quan/ <i>Resolution on the transactions with related parties</i>	100%
5.	06/QĐ-HĐQT	27/01/2026	Quyết định vv điều chỉnh phụ cấp thâm niên và mức lương tham gia BHXH năm 2026/ <i>Decision on the adjustment of seniority allowance and the salary used as the basis for social insurance contributions in 2026.</i>	100%
6.	08/NQ-HĐQT	27/02/2026	Nghị quyết vv tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 cho cổ đông hiện hữu/ <i>Resolution on the interim dividend payment for 2025 to existing shareholders</i>	100%
7.	10/NQ-HĐQT	02/03/2026	Nghị quyết vv triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025/ <i>Resolution on the convening of the AGM 2025</i>	100%
8.	14/NQ-HĐQT	25/03/2026	Nghị quyết vv phê duyệt hạn mức huy động vốn tại các Công ty con năm 2026/ <i>Resolution on the approval of the 2026 financing limit subsidiaries</i>	100%

9.	17/QĐ-HĐQT	03/04/2026	Quyết định vv phê duyệt nội dung và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô./ <i>Decision on the approval of the agenda and meeting documents for the 2025 AGM of Ha Do Group JSC.</i>	100%
10.	21/NQ-HĐQT	12/05/2026	Nghị quyết vv góp vốn thành lập doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Điện gió Bình Gia./ <i>Resolution on the capital contribution for the establishment of Binh Gia Wind Power JSC</i>	100%
11.	23/NQ-HĐQT	15/05/2026	Nghị quyết vv triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2025 cho cổ đông hiện hữu./ <i>Resolution on the implementation of the share issuance plan for the second 2025 dividend payment in shares to existing shareholders</i>	100%
12.	25/NQ-HĐQT	21/05/2026	Nghị quyết vv chấm dứt trước hạn hợp đồng số 02/2017/HĐMB-SVH./ <i>Resolution on the Early termination of contract No. 02/2017/HĐMB-SVH.</i>	100%
13.	27/NQ-HĐQT	17/06/2026	Nghị quyết vv đăng ký thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty./ <i>Resolution on the registration of the change in Charter capital and the amendment to the Company's Charter.</i>	100%

III. Ủy ban Kiểm toán/Audit Committee

1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán (TV UBKT)/ Information on members of Audit Committee (AC)

Stt	Thành viên Ủy ban Kiểm toán/ <i>Members of Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn/Qualification
1	Trần Thị Quỳnh Anh	Chủ tịch UBKT/ <i>Chairman</i>	27/04/2024	Cử nhân Luật/Tài chính – Ngân hàng/Ngoại ngữ/ <i>Bachelor of Law/Finance – Banking/Foreign Languages</i>
2	Cao Thị Tâm	Thành viên UBKT/ <i>Member</i>	27/04/2024	Thạc sĩ Kinh tế, cử nhân Kế toán/ <i>Master of Economics, Bachelor of Accounting.</i>

2. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Audit Committee

TT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự/ <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Trần Thị Quỳnh Anh	1	1/1	100%	
2	Cao Thị Tâm	1	1/1	100%	

3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông/ *Supervising BOD, BOM and shareholders by Audit Committee*

- UBKT giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, cách thức HĐQT đưa ra các nghị quyết của HĐQT. Giám sát hoạt động của BĐH thông qua việc chấp hành các nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân cấp giữa HĐQT và Ban Điều hành./*The AC supervised the activities of the BOD through its meetings and the procedures for adopting BOD resolutions. The AC also oversaw the Management's implementation of BOD resolutions and monitored compliance with the delegation of authority between the BOD and the BOM.*

+ Tham gia trực tiếp các cuộc họp với BĐH để kịp thời nắm bắt tình hình SXKD của công ty theo tháng, quý, năm. UBKT thông qua kiểm toán nội bộ, rà soát và góp ý đối với các quy chế, quy trình vận hành của BĐH, chỉ ra những điểm cần cải thiện giúp BĐH giảm thiểu rủi ro trong hoạt động./*The AC participated directly in meetings with the BOM to stay informed of the Company's monthly, quarterly and annual business performance. Through its internal audit function, the AC reviewed and provided recommendations on the Management's internal regulations and operating procedures, identifying areas for improvement to help mitigate operational risks*

+ Giám sát tính trung thực của BCTC quý, năm của công ty mẹ, BCTC hợp nhất tập đoàn, các công bố thông tin liên quan đến về tình hình tài chính của công ty. Giám sát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ, HĐQT và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần phê duyệt theo quy định./*The AC monitored the integrity of the quarterly and annual separate financial statements of the parent company, the consolidated financial statements of the Group, and the Company's disclosures relating to its financial position. The AC also reviewed related-party transactions falling within the approval authority of the GMS and the BOD, and provided recommendations on transactions requiring approval in accordance with applicable regulations.*

+ UBKT giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật trong tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, thực hiện giám sát các thông tin cần công bố theo quy định đối với công ty niêm yết. HĐQT công ty luôn thực thi nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao và luôn đề cao trách nhiệm giải trình, trung thành, trung thực, cẩn trọng của từng TV HĐQT./ *The AC monitored compliance with applicable laws and regulations in the organization of the AGM and oversaw the Company's compliance with disclosure obligations applicable to listed companies. The BOD discharged its duties with a high sense of responsibility, while upholding the principles of accountability, loyalty, integrity and due care by each member of the BOD.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/The coordination among the Audit Committee, BOD, BOM and other managers:

+ Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, UBKT luôn phối hợp tốt với các TV HĐQT, TV BDH và các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác./Throughout the performance of its duties, the Audit Committee (AC) maintained effective coordination with members of the Board of Directors (BOD), members of the Management, and relevant executives, and consistently received their full cooperation

+ BDH và các cấp quản lý của công ty và Đơn vị thành viên luôn tạo điều kiện cho công tác KTNB thông qua việc cung cấp các thông tin hoạt động SXKD, tài liệu theo yêu cầu. BDH thường xuyên mời UBKT tham dự các cuộc họp, từ đó UBKT có góc nhìn đa chiều để đưa các ý kiến độc lập tư vấn với HĐQT./ The BOM and executives of the Company and its subsidiaries consistently facilitated the Internal audit function by providing operational information and relevant documents upon request. The BOM also regularly invited the AC to attend management meetings, enabling the AC to obtain a comprehensive perspective and provide independent advice and recommendations to the BOD.

5. Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán/Other activities of Audit Committee

- UBKT thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty, hoạt động của UBKT để thực hiện giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật trong tổ chức./ The AC regularly monitored updates to laws and regulations relevant to the Company's operations and the activities of the AC in order to oversee the Company's compliance with applicable legal and regulatory requirements

- Thông qua hoạt động của Kiểm toán nội bộ, UBKT tư vấn, hỗ trợ hoạt động nghiệp vụ cho đơn vị thành viên, truyền thông về vai trò của Kiểm toán nội bộ trong thực hành Quản trị Công ty theo thông lệ tốt/ Through the Internal audit activities, the AC provided advisory and operational support to the Company's subsidiaries and promoted awareness of the role of Internal audit in implementing good corporate governance practices.

IV. Ban điều hành/ Board of Management

Stt	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành / <i>Date of appointment/ dismissal of members of the Board of Management</i>
1	Nguyễn Trọng Minh	29/03/1987	Cử nhân quản trị kinh doanh/ <i>Bachelor of Business Administration</i>	03/10/2024
2	Lê Xuân Tuấn	10/10/1978	Kỹ sư KTXD/ <i>Construction Engineer</i>	22/09/2021
3	Trần Tiến Dũng	05/11/1981	Kỹ sư XDDD & CN/ <i>Civil and construction engineer</i>	16/05/2022

V. Kế toán trưởng/ *Chief Accountant*

Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/dismissal</i>
Đào Hữu Tùng	03/09/1987	Thạc sĩ tài chính ngân hàng, cử nhân kế toán/ <i>Master of Banking - Finance, Bachelor of Accounting</i>	Bổ nhiệm/ <i>Appointment</i> 14/05/2025

VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, Ban điều hành, các cán bộ quản lý khác đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Corporate governance training courses attended by members of the BOD, the BOM, and other managerial personnel on corporate governance regulations:*

- Năng lực quản trị cho Quản lý cấp trung/*Management competency development for middle Managers - Học viện PACE/PACE Institute of*
- Cập nhật thuế và chính sách phát triển Nhà ở Xã hội/*Updates on Tax regulations and social housing development policies - EY Việt Nam.*
- Đào tạo chuyên sâu luật BHXH, luật BHYT, luật BHTN, luật việc làm, tiền lương năm 2026 - Công ty TNHH Đào tạo tư vấn doanh nghiệp Việt Nam - BP. Nhân sự HDG./*Advanced training on the Law on social insurance, the Law on health insurance, the Law on unemployment insurance, the Law on employment, and salary regulations in 2026.*
- Hội thảo "Nâng cao Trách nhiệm Giải trình của Hội đồng quản trị trong Công bố Thông tin và Quản trị Rủi ro"/*Seminar on "Enhancing the accountability of the BOD in Information disclosure and risk management - Viện thành viên HĐQT VN/ Vietnam Institute of Directors (VIOD)*
- Hội thảo "Quản trị Rủi ro: Từ Rủi ro Tuân thủ đến Rủi ro Pháp lý"/*Seminar on "Risk Management: From Compliance Risk to Legal Risk"- VIOD*
- Hội thảo "Tuân thủ pháp luật chứng khoán và lưu ý các sai sót trong lập báo cáo tài chính" do UBCKNN kết hợp VACPA tổ chức./*Seminar on "Compliance with securities regulations and common issues in financial statement preparation - VIOD*

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty./ *The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty:*The list of affiliated persons of the Company.*

STT	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp/ <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>/Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
1	Lê Xuân Long		Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman</i>						Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman</i>
2	Nguyễn Trọng Minh		Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc/ <i>BOD's member, CEO</i>						TV HĐQT-TGD/ <i>BOD's member - CEO</i>
3	Nguyễn Hoàng Trung		Thành viên HĐQT/ <i>BOD's member</i>			27/04/2024			TV HĐQT/ <i>BOD's member</i>

STT	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp/ <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>/Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
4	Cao Thị Tâm		Thành viên HĐQT/BO D, AC's member			27/04/2024			TV HĐQT/ BOD's member
5	Trần Thị Quỳnh Anh		Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT/BO D's independent member/AC chairman			27/04/2024			TV độc lập HĐQT/ BOD's independent member
6	Lê Xuân Tuấn		Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director			22/09/2021			Phó Tổng giám đốc/ Deputy general

STT	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp/ <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>/Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
7	Trần Tiến Dũng		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>			16/05/2022			Phó Tổng giám đốc/ <i>Deputy general</i>
8	Đào Hữu Tùng		Kế toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>			14/05/2025			

STT	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp/ <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>/Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
					<i>Liem District, Hanoi</i>				
9	Công ty TNHH MTV Đầu tư Quốc tế Hà Đô/Ha Do <i>International Investment LLC</i>			01-000147874515 (M/1)	Đường Phonthan, quận Chanthabuly, Viêng Chăn, CHDCND Lào/Phonthan street, Chanthabuly district, Vienchan, Laos				Công ty con/ <i>Subsidiary</i>
10	CTCP Đầu tư Khánh Hà/KhanhHa <i>Investment JSC</i>			4201279856	Cầu Đá, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa/ <i>Cau Da street, Nha Trang ward, Khanh Hoa province.</i>				Công ty con/ <i>Subsidiary</i>
11	CTCP Hà Đô 756 Sài Gòn/Hado 756 Sai gon <i>JSC</i>			0312110142	Tầng 5, HaDo Airport Building, Số 02 Hồng Hà, Phường Tân Sơn Hòa, Tp.HCM/ <i>Fifth floor, Hado Airport Building, No2 Hongha, Tan Son</i>				Công ty con/ <i>Subsidiary</i>

STT	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp/ <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>/Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
					Hoa ward, HCM city.				
12	CTCP Minh Long Đông Sài Gòn/ <i>Minh Long East Sai Gon JSC</i>			0314469346	Tầng 5, HaDo Airport Building, Số 02 Hồng Hà, Phường Tân Sơn Hòa, Tp.HCM/ <i>Fifth floor, Hado Airport Building, No2 Hongha, Tan Son Hoa ward, HCM city.</i>				Công ty con/ <i>Subsidiary</i>
13	CTCP Bình An Riverside/ <i>Binh An Riverside JSC</i>			0314749470	2735 đường Phạm Thế Hiển, Phường Bình Đông, Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>2735 Pham The Hien street, Binh Dong ward, Hochiminh City.</i>				Công ty con/ <i>Subsidiary</i>

STT	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp/ <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>/Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
14	CTCP Thiết bị giáo dục 1/ <i>Education Equipment 1 JSC</i>			0100108293	62 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Hà Nội./ <i>62 Phan Dinh Giot, Phuong Liet ward, Ha Noi</i>				Công ty con/ <i>Subsidiary</i>
15	Công ty cổ phần Quản lý – Vận hành – Khai thác BĐS Hà Đô/ <i>Ha Do Real Estate Management, Operation and Property Services JSC</i>			0311861643	60 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Tp.HCM./ <i>60 Truong Son, Tan Son Hoa ward, Hochiminh City.</i>				Công ty con/ <i>Subsidiary</i>
16	CTCP Quản lý và kinh doanh BĐS Hà Đô/ <i>Ha Do Real Estate Management and Trading JSC</i>			011026590	Số 8 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội./ <i>No 8 Lang Ha street, Giang Vo ward, Hanoi City.</i>				Công ty con/ <i>Subsidiary</i>

STT	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp/ <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>/Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
17	Công ty CP Năng lượng và Đầu tư hạ tầng Hà Đô/ <i>Hado Energy & Infrastructure Investment JSC</i>			0109725332	Số 8 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội./ <i>No 8 Lang Ha street, Giang Vo ward, Hanoi City.</i>				Công ty con/ <i>Subsidiary</i>
18	CT TNHH Năng lượng Surya Prakash Việt Nam/ <i>Surya Prakash energy JSC.</i>			4500618271	Thôn Phước An 1, Xã Phước Hậu, tỉnh Khánh Hòa/ <i>Phuoc An 1, Phuoc Hau ward, Khanh Hoa province</i>				Công ty con cấp 2/ <i>Second-tier subsidiary</i>
19	CT TNHH Hà Đô Bình Thuận/ <i>Hado Binh Thuan LLC</i>			3401129510	Thôn Thanh Thịnh, xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng./ <i>Thanh Thinh village, Hoa Thang ward, Lam Dong province</i>				Công ty con cấp 2/ <i>second-tier subsidiary</i>
20	Công ty TNHH MTV Điện gió Hà Đô Thuận Nam/ <i>Hado Thuan Nam</i>			4500638246	Thôn Quán Thè 1, xã Thuận Nam, tỉnh Khánh Hòa./ <i>Quan The1 Village, Thuan</i>				Công ty con cấp 2/ <i>second-tier subsidiary</i>

STT	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp/ <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>/Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
	Nam Wind Energy LLC				Nam Ward, Khanh Hoa province.				
21	CTCP Năng lượng Agrita Quảng Nam/Agrita Quang Nam Energy JSC			4000495198	44 Lê Quý Đôn, Khâm Đức, Phước Sơn, Quảng Nam./ <i>44 Le Quy Don, Kham Duc, Phuoc Son, Quang Nam</i>				Công ty con/Subsidiary
22	CTCP Tập đoàn Za Hưng/Zahung Group JSC			0101833840	Số 8 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội./ <i>No 8 Lang Ha street, Giang Vo ward, Hanoi City.</i>				Công ty con/Subsidiary
23	CTCP Điện gió Bình Gia Binh Gia Wind Power JSC			4900944671	Thôn Nà Nưa, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn/Na Nua village, Hong Phong ward, Lang Son province.				Công ty con/Subsidiary

STT	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp/ <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>/Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
24	CTCP Thủy điện Sông Tranh 4/ <i>Songtranh 4 Hydro Power JSC</i>			4000775212	Thôn Tam Tú, Xã Hiệp Đức, Thành phố Đà Nẵng/ <i>Tam Tu Village, Hiep Duc ward, Danang City.</i>				Công ty con cấp 2/ <i>second-tier subsidiary</i>
25	CTCP Đầu tư Xây dựng Sơn Linh/ <i>Son Linh Construction Investment JSC</i>			4300807627	Thôn Gò Gia, Xã Sơn Linh, tỉnh Quảng Ngãi/ <i>Go Gia Village, Son Linh ward, Quang Ngai province.</i>				Công ty con cấp 2/ <i>second-tier subsidiary</i>
26	CTCP Điện gió Tiến Thành Hàm Kiệm/ <i>Tien Thanh Ham Kiem Wind Power JSC</i>			3401223880	Thôn Thanh Thịnh, Xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng./ <i>Thanh Thinh village, Hoa thang ward, Lam Dong province</i>				Công ty con cấp 2/ <i>second-tier subsidiary</i>
27	CTCP Thủy điện Trường Thịnh/ <i>Truong Thinh Hydropower</i>			3100379958	Số 50, Đường Nguyễn Hữu Cánh, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị./				Công ty con cấp 2/ <i>second-tier subsidiary</i>

STT	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp/ <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>/Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
	plant JSC				No50, Nguyen Huu Canh street, Dong Hoi ward, Quang Tri province				
28	CT TNHH Hỗn Hợp Dịch Vọng <i>Dich Vong Complex LLC</i>			0107585129	Số 8 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội./ <i>No 8 Lang Ha street, Giang Vo ward, Hanoi City.</i>				Công ty liên kết/ <i>Associate</i>

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:*

ĐVT/Unit: VNĐ

Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Transactions	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>
CTCP Hà Đô 756 Sài Gòn/ <i>Hado -756 Sai Gon JSC</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>	Lãi vay/ <i>Interest expense</i>	1.566.515.329
		Cổ tức/ <i>Dividend payment</i>	16.020.000.000
Công ty đầu tư Quốc tế Hà Đô	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>	Góp vốn/ <i>Capital contribution</i>	1.477.392.000
Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác BĐS Hà Đô/ <i>Ha Do PM JSC</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>	Mua hàng hóa dịch vụ/ <i>Purchase of goods and services</i>	7.131.961.917
		Bán hàng & cung cấp dịch vụ/ <i>Sale of goods and services</i>	112.938.462
		Lãi vay/ <i>Interest expense</i>	446.301.370
CTCP Đầu tư Khánh Hà/ <i>KhanhHa Investment JSC</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>	Lãi vay/ <i>Interest expense</i>	618.871.232
CTCP Thủy điện Sông Tranh 4/ <i>Songtranh 4 Hydro Power JSC</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>	Cổ tức/ <i>Dividend payment</i>	15.300.000.000
		Lãi vay/ <i>Interest expense</i>	2.008.356.165
CTCP Tập đoàn Za Hưng/ <i>Zahung Group JSC</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>	Cổ tức/ <i>Dividend payment</i>	104.297.400.000
		Bán hàng & cung cấp dịch vụ/ <i>Sale of goods and services</i>	461.589.090
		Lãi vay/ <i>Interest expense</i>	6.296.230.137
CTCP Thiết bị giáo dục 1/ <i>Education Equipment 1 JSC</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>	Lãi vay/ <i>Interest expense</i>	16.248.345.205
Công ty TNHH MTV Điện gió Hà Đô Thuận Nam/ <i>Hado Thuan Nam Wind Energy LLC</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>	Trả nợ vay/ <i>Loan repayment</i>	3.000.000.000
		Lãi vay/ <i>Interest expense</i>	985.558.903
CT TNHH Năng lượng Surya Prakash Việt Nam/ <i>Surya Prakash energy JSC</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>	Trả nợ vay/ <i>Loan repayment</i>	15.000.000.000
		Lãi vay/ <i>Interest expense</i>	3.084.202.741
CTCP Quản lý và kinh doanh BĐS Hà Đô/ <i>Ha Do NPM JSC</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>	Mua hàng hóa dịch vụ/ <i>Purchase of goods and services</i>	4.712.714.829
		Bán hàng hóa dịch vụ/ <i>Sale of goods and services</i>	642.916.364
		Lãi vay/ <i>Interest expense</i>	423.986.302
CTCP Minh Long Đông Sài Gòn/ <i>Minh Long Dong Sai Gon JSC</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>	Vay/ <i>Borrowing</i>	230.000.000.000
		Lãi vay/ <i>Interest expense</i>	443.643.686
CTCP Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Đô	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>	Mua hàng hóa dịch vụ/ <i>Purchase of goods and services</i>	5.452.925.059
		Bán hàng & cung cấp dịch vụ/ <i>Sale of goods and services</i>	2.649.993.132

		<i>Sale of goods and services</i>	
		<i>Lãi vay/Interest expense</i>	423.986.301
Bà Trịnh Thị Thảo	Người có liên quan tới người nội bộ/ <i>Affiliated persons</i>	<i>Vay/ Borrowing</i>	2.000.000.000
		<i>Lãi vay/Interest expense</i>	38.082.491
Nguyễn Trọng Minh	Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i>	<i>Tạm ứng/Advance</i>	3.342.000.000
Lê Xuân Tuấn	Phó Tổng giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>	<i>Tạm ứng/Advance</i>	1.110.000.000
Trần Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>	<i>Tạm ứng/Advance</i>	2.688.000.000

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: Không có/None.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects:*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting: Không có/None.*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): Không có/None.*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers Không có/None.*

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (6 tháng)/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons (semi-annual report)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons parties and their affiliates:*

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
Người có liên quan đến Hội đồng quản trị/ The affiliated persons of BOD's members								
1	Lê Xuân Long		Chủ tịch HĐQT/ Chairman			24.828	0,01%	
1.1	Lê Xuân Chúng					0	0,00%	Bố/ Father
1.2	Nguyễn Thị Đoàn					0	0,00%	Mẹ/ Mother

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1.3	Lê Thị Mai Khanh					0	0,00%	Chị/ Sister
1.4	Lê Thị Phương Lam					0	0,00%	Chị/ Sister
1.5	Lê Thị Thúy Hà					0	0,00%	Vợ/ Wife

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1.6	Lê Xuân Tùng					0	0,00%	Con/ Son
1.7	Lê Hà Thu					0	0,00%	Con/ Daughter

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1.8	Đặng Thị Tiến					0	0,00%	Mẹ vợ/ Mother in law
1.09	Mạc Văn Tuấn					0	0,00%	Anh rể/ Brother in law
1.10	Phạm Văn Huyền					0	0,00%	Em rể/ Brother in law
2	Nguyễn Trọng Minh		Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc/Vice President of BOD/CEO			4.782.771	1,18%	

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
2.1	Nguyễn Trọng Thông		Chủ tịch sáng lập/ <i>Founding Chairman</i>			129.536.321	31,83%	Bố/ Father
2.2	Nguyễn Thị Thu Hà					330.000	0,08%	Mẹ/ Mother
2.3	Nguyễn Trọng Thùy Vân					37.354	0,01%	Em/ Sister

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
24	Nguyễn Trọng Vân Hà					0	0,00%	Em/ Sister
2.5	Nguyễn Kim Loan					0	0,00%	Vợ/ Wife
2.6	Nguyễn Trọng Dũng					0	0,00%	Con/ Son

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
2.7	Nguyễn Trọng Trí					0	0,00%	Con/ Son
2.8	Nguyễn Văn Hùng					0	0,00%	Bố vợ/ Father in law

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
2.9	Nguyễn Kim Hoa					0	0,00%	Mẹ vợ/ Mother in law
3	Nguyễn Hoàng Trung		Thành viên HĐQT/BOD member			665.500	0,16%	
3.1	Nguyễn Văn Tô					32.774.797	8,05%	Bố/ Father
3.2	Hoàng Thị Phương Điều					10.986.519	2,76%	Mẹ/ Mother
3.3	Nguyễn Hoàng Hà					0	0,00%	Chị/ Sister

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
3.4	Kiều Trung Hiền					0	0,00%	Anh rể/ Brother in law
3.5	Phan Thu Thủy					0	0,00%	Vợ/ Wife
3.6	Phan Văn Minh					0	0,00%	Bố vợ/ Father in law
3.7	Đinh Thị Điệp					0	0,00%	Mẹ vợ/ Mother in law

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
3.8	Phan Thu Hà							Chị vợ/ Sister in law
4	Cao Thị Tâm		TV HĐQT, TV UBKT, Trưởng Ban KTNB/ <i>Member of BOD, AC, head of Internal Audit Dep</i>			0	0,00%	
4.1	Bùi Thị Thủy					0	0,00%	Mẹ đẻ/ Mother

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
4.2	Cao Hải Quân					0	0,00%	Em traí/ Brother
4.3	Cao Thị Kim Ngân					0	0,00%	Em gái/ Sister
4.4	Đinh Duy Hải					0	0,00%	Chồng/ Husband
4.5	Đinh Duy Bách					0	0,00%	Con/ Son
4.6	Đinh Duy Khoa					0	0,00%	Con/ Son

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
4.7	Đinh Duy Bảo					0	0,00%	Bố chồng/ Father in law
4.8	Nguyễn Thị Ngân					0	0,00%	Mẹ chồng/ Mother in law
5	Trần Thị Quỳnh Anh		Thành viên độc lập HĐQT/ <i>Independent member of BOD</i>			0	0,00%	
5.1	Trần Vĩnh Giang					0	0,00%	Bố/ Father

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
5.2	Trần Thị Bích					0	0,00%	Mẹ/ Mother
5.3	Nguyễn Trần Thanh Vân					0	0,00%	Con/ Daught er

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
5.4	Trần Tuấn Anh					0	0,00%	Em/Bro ther
5.5	Trần Phương Anh					0	0,00%	Em/ Sibling
Người có liên quan đến Ban Điều hành/The affiliated person of BOM's members								
6	Lê Xuân Tuấn		Phó tổng giám đốc/ Deputy General Director			0	0,00%	

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
6.1	Lê Xuân Hùng					0	0,00%	Bố đẻ/ Father
6.2	Trịnh Thị Thảo					0	0,00%	Vợ/ Wife
6.3	Lê Khánh Hà					0	0,00%	Con gái/ Daughter

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
6.4	Lê Xuân Nam					0	0,00%	Con trai/ Son
6.5	Trịnh Kim Dung					0	0,00%	Bố Vợ/ Father in law
6.6	Tào Thị Bình					0	0,00%	Mẹ Vợ/ Mother in law
6.7	Lê Văn Phúc					0	0,00%	Em Trai/ Brother

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
6.8	Lê Thị Hạnh					0	0,00%	Em gái/ Sister
6.9	Chu Thị Thủy					0	0,00%	Em dâu/ Sister in law
6.10	Phạm Công Thành					0	0,00%	Em rể/ Brother in law
7	Trần Tiến Dũng		Phó Tổng Giám đốc/ Deputy general Director			25.424	0,006%	
7.1	Nguyễn Thu Liên					0	0,00%	Vợ/ Wife

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
7.2	Trần Thị Vần					0	0,00%	Mẹ đẻ/ Mother
7.3	Nguyễn Văn Bệu					0	0,00%	Bố vợ/ Father in law
7.4	Chu Thị Quý					0	0,00%	Mẹ vợ/ Mother in law
7.5	Trần Tiến Khôi					0	0,00%	Con/ Son

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
7.6	Trần Thu Hoài					0	0,00%	Con/ Daught er
7.7	Trần Thị Thùy Dương					0	0,00%	Chị gái ruột/ Sister
7.8	Nguyễn Tài Hưng					0	0,00%	Anh rể/ Brother in law

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
					Vinh Phúc, Ba Đình, HN			
8	Đào Hữu Tùng		Kế toán trưởng/Chief Accountant			0	0,00%	
8.1	Đào Hữu Khanh					692.468	0,17%	Bố đẻ/ Father
8.2	Đỗ Thị Mai							Mẹ đẻ/ Mother

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
8.3	Nguyễn Thanh Hà							Bố vợ/ Father in law
8.4	Trần Hồng Hạnh							Mẹ vợ/ Mother in law
8.5	Nguyễn Ánh Hồng							Vợ/ Wife

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
8.6	Đào Quang Khải							Con trai/Son
8.7	Đào Thị Hồng Vân							Chị gái/ Sister
8.8	Đào Thị Hồng Trang							Em gái/ Sister

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
8.9	Vũ Hải yên							Anh rể/ Brother in-law
8.10	Nguyễn Hải Trung							Em rể/ Brother in-law
9	Trần Thị Thương		Thư ký Công ty/ Người phụ trách quản trị Công ty			877	0,00%	
9.1	Trần Đình Sáu							Bố đẻ/ Father

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
9.2	Trần Thị Thuyết							Mẹ đẻ/ Mother
9.3	Tạ Quốc Tượng					0	0,00%	Bố chồng/ Father in law
9.4	Trần Thị Toàn							Mẹ chồng/ Mother in law
9.5	Tạ Văn Tú					0	0,00%	Chồng/ Husband
9.6	Tạ Quốc Minh					0	0,00%	Con/Son

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9.7	Trần Thị Khánh Chi					0	0,00%	Chị gái/ Sister
9.8	Trần Khánh Linh					0	0,00%	Em gái/ z

Ghi chú: Số lượng cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan được cập nhật theo Danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức đợt 2 bằng cổ phiếu năm 2025 ngày 09/06/2026 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam Cấp./Note: The number of shares held by internal persons and affiliated person updated according to the list of shareholders entitled to receive the second dividend for 2025 by shares was finalized on June 09, 2026, issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:
Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thường... <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Mẹ đẻ Tổng giám đốc/ <i>CEO's mother</i>	0	0%	330.000	0,08%	Mua/nhận cổ tức bằng cổ phiếu/ <i>Buy, receiving dividend by share</i>

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: không có/none.

Nơi nhận/Recipients

- Như trên/*As addressed;*
- Lưu VT/Archives: Admin office.

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Nguyễn Trọng Minh
Nguyen Trong Minh